

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 176/2018/DS-ST

Ngày: 19 – 10 – 2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Thanh Khiết**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Mầm**

Bà **Lữ Phúc Lệ**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hồ Văn Mil** là Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 19 tháng 10 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2018/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1968 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện CN, tỉnh CM.

Bị đơn: Bà **Trần Mỹ H**, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện CN, tỉnh CM.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Trần Thị Y**, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp CT, xã T, huyện CN, tỉnh CM

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/02/2018 và các lời khai tại Tòa án, ông Nguyễn Văn T (nguyên đơn) trình bày: Vào ngày 11/8/2013 bà Trần Mỹ H có nhờ ông đi hỏi vay dùm 05 chỉ vàng 24K và 22.000.000 đồng để mua nhà, thời hạn vay là 12 tháng. Lãi suất thỏa thuận là 05 chỉ vàng 24K mỗi tháng lãi là 1.000.000 đồng, còn 22.0000.000 đồng mỗi tháng lãi là 1.540.000 đồng. Khi được bà H nhờ thì ông có đến hỏi vay của

ông Nguyễn Văn H là anh ruột của ông ở ấp B, xã V, huyện P, tỉnh CM số tiền 22.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K đưa cho bà H, khi ông hỏi vay vàng và tiền của ông H thì không có làm biên nhận. Sau khi vay vàng và tiền của ông thì bà H có làm biên nhận giao cho ông giữ. Sau khi vay tiền bà H trả lãi cho ông được 02 tháng và tháng thứ ba trả còn thiếu 1.000.000 đồng, từ tháng 12 năm 2013 đến nay bà H không có trả lãi cho ông. Hiện nay ông đã trả toàn bộ tiền và vàng vốn, lãi cho ông H. Nay ông yêu cầu bà H trả cho ông 05 chỉ vàng 24K và 22.000.000 đồng vốn, đồng thời yêu cầu bà H trả lãi đối với 22.000.000 đồng là 73.920.000 đồng, lãi của 05 chỉ vàng 24K là 48.000.000 đồng. Tổng cộng là 121.920.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K.

Tại các biên bản hòa giải và các lời khai tại Tòa án, bà Trần Mỹ H (bị đơn) trình bày:

Bà thừa nhận có nhận tiền và vàng của ông T theo biên nhận ông T cung cấp cho Tòa án, bà thừa nhận có ký vào các biên nhận nợ do ông T cung cấp cho Tòa án. Bà thừa nhận có vay của ông T số tiền 22.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K, lãi suất các bên tự thỏa thuận. Sau khi vay tiền và vàng bà trả lãi cho ông T số tiền 3.000.000 đồng/tháng đối với số tiền 22.000.000 đồng và 05 phân vàng 24K đối với 05 chỉ vàng 24K. Bà đã đóng lãi cho ông T đầy đủ, từ tháng 6 năm 2017 âm lịch đến nay thì bà không có trả lãi cho ông T. Nay bà đồng ý trả cho ông T số tiền nợ gốc là 22.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K, đối với số tiền lãi bà cho rằng đã trả nhiều tiền lãi nên bà không đồng ý trả lãi cho ông T. Việc vay tiền chỉ biết là vay của ông T chứ không biết ông Hiệp như lời ông T trình bày.

Tại các biên bản hòa giải và các lời khai tại Tòa án, bà Trần Thị Y (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày: Bà là vợ của ông T, bà thống nhất theo lời trình bày của ông T, không có ý kiến trình bày bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T với bị đơn là bà Trần Mỹ H được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Cụ thể là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Các đương sự có địa chỉ cư trú tại huyện CN, tỉnh CM nên Tòa án nhân dân huyện CN thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Đối với bà Trần Mỹ H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và không có người đại diện tham gia phiên tòa. Nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Phim theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Qua xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp vụ án như sau: Giao dịch vay tiền và vàng giữa các đương sự vào năm 2013 là có xảy ra trên thực tế và được các đương sự thống nhất thừa

nhận tại các biên bản hòa giải và tại phiên tòa. Đây là những tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa, ông T thay đổi yêu cầu, ông yêu cầu bà H trả cho ông số tiền nợ gốc là 22.000.000 đồng và tính lãi trên số tiền này theo quy định của pháp luật tính từ tháng 12 năm 2013 cho đến nay là 48 tháng. Bà H thừa nhận có vay tiền và vàng như ông T trình bày. Tuy nhiên bà chỉ đồng ý trả cho ông T số tiền nợ gốc là 22.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K, đối với số tiền lãi bà cho rằng đã trả nhiều tiền lãi nên bà không đồng ý trả lãi cho ông T. Hội đồng xét xử thấy rằng: Giao dịch giữa các bên phát sinh vào tháng 12 năm 2013 và có thời hạn là 12 tháng. Theo thỏa thuận thì vào tháng 12 năm 2014 giao dịch giữa các bên chấm dứt và kể từ tháng 01 năm 2015 là phát sinh tranh chấp. Tuy nhiên các đương sự khai không thống nhất với nhau về thời điểm phát sinh tranh chấp, phía ông T cho rằng bà H có đóng lãi được 03 tháng thì không đóng nữa, ngược lại bà H khai đã đóng lãi đầy đủ trên số tiền và vàng đến tháng 6 năm 2017 thì bà mới ngưng đóng cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy theo lời trình bày của ông T thì tranh chấp giữa ông T và bà H đã hết thời hiệu khởi kiện vào tháng 04 năm 2017. Nhưng bà H lại thừa nhận có vay tiền và vàng như ông T trình và bà đã đóng lãi đến tháng 6 năm 2017 thì bà mới ngưng đóng cho đến nay. Do đó theo lời trình bày của bà H thì thời hiệu khởi kiện của ông T đối với bà H vẫn còn. Tuy nhiên các đương sự không ai yêu cầu áp dụng thời hiệu nên Tòa án không áp dụng quy định về thời hiệu và thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bà Trần Mỹ H trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vụ án được đưa ra xét xử bà Trần Mỹ H không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó bà H phải tự chịu hậu quả của việc không đưa ra chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại vụ án này.

Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn T tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định về lãi suất cơ bản tại thời điểm ông T cho bà H vay vào năm 2013 được Ngân hàng Nhà nước quy định tại thông tư số 16/2013/TT – NHNN ngày 27 tháng 6 năm 2013 thì lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam tối đa là 9%/năm. Theo quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 thì lãi suất các bên thỏa thuận không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà Nước công bố với loại cho vay tương ứng. Như vậy lãi suất được áp dụng để tính lãi trong trường hợp của ông T và bà H là 1,125%/tháng. Cụ thể bà Trần Mỹ H phải trả lãi cho ông T là 22.000.000 đồng $\times$ 1,125% $\times$ 58 tháng = 14.355.000 đồng. Như vậy bà Trần Mỹ H phải trả cho ông T số tiền vốn và lãi là 22.000.000 đồng + 14.355.000 đồng = 36.355.000 đồng.

Từ những cơ sở như đã phân tích nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông Nguyễn Văn T đối với bà Trần Mỹ H là có cơ sở chấp nhận. Buộc bà Trần Mỹ H phải trả cho ông Nguyễn Văn T 05 chỉ vàng 24 vốn cùng với số tiền vốn và lãi là 36.355.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm dân sự có giá ngạch: Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. ông T được nhận lại số tiền 4.025.000

đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004179 ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

Buộc bà Trần Mỹ H phải chi án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.695.250 đồng. Giá vàng để áp dụng tính án phí được Hội kim hoàn Cà Mau công bố lúc 10 giờ ngày 19 tháng 10 năm 2018 là 3.510.000 đồng/chỉ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 200, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh số: 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Buộc Bà Trần Mỹ H phải trả cho ông Nguyễn Văn T 05 chỉ vàng 24 vốn cùng với số tiền vốn và lãi là 36.355.000 đồng.

[2] Đối với số tiền, kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H không thi hành xong thì hàng tháng bà H còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thi hành án.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm dân sự có giá ngạch: Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. ông T được nhận lại số tiền 4.025.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004179 ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

Buộc bà Trần Mỹ H phải chi án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.695.250 đồng. Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Mỹ H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Phòng NVKT&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Hà Thanh Khiết**